

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2026/DSST

Ngày: 28-4-2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Lệ

2. Ông Trần Đình Hải

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh:* Bà Bùi Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 399/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2026/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2026/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: Số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đức T** - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước T1 - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP S Chi nhánh B;

Ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y – Nhân viên.

Địa chỉ: Số C D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 28/05/2024, ông Nguyễn Đức M có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ thu nhập của ông M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 200.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 29.8%/năm (lãi suất tại thời điểm ký kết).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 1.175.256.007 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 997.622.074 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Khoản 7, Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 05/06/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của S1 (Khoản 7, Điều 5 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). (Dư nợ tại thời điểm này là 227.079.133 đồng).

Tính đến hết ngày 27/04/2026, ông M còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 227.079.133 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn, một trăm ba mươi ba đồng*); Nợ lãi: 91.868.430 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi một triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi đồng*), trong đó: Tiền lãi trong hạn: 61.245.620 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi đồng*); T2 lãi quá hạn: 30.622.810 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm mười đồng*). Tổng cộng: 318.947.563 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười tám triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng*).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu ông M có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, tuy nhiên ông M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Nguyễn Đức M:

Buộc ông Nguyễn Đức M phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 27/04/2026 là 318.947.563 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười tám triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc: 227.079.133 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn, một trăm ba mươi ba đồng*); Nợ lãi: 91.868.430 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi một triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi đồng*), trong đó: Tiền lãi trong hạn: 61.245.620 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi đồng*); T2 lãi quá hạn: 30.622.810 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi triệu, sáu trăm hai*

mười hai ngàn, tám trăm mười đồng) và toàn bộ khoản lãi phát sinh từ ngày 28/4/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Đức M nhiều lần vắng mặt các buổi làm việc, các phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải, xét xử không lý do chính đáng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét về trình tự tố tụng và nội dung vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng; phía nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần S được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp C, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 41, ngày 26 tháng 12 năm 2022 với ngành nghề kinh doanh: huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn....; Cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá và các hoạt động khác...;

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng thương mại cổ phần S không có văn bản thay đổi người đại diện ủy quyền lại nên bà Nguyễn Thị Hoàng Y giữ nguyên tư cách tham gia tố tụng.

[1.3]. Về nơi cư trú bị đơn và sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Về nơi cư trú của bị đơn: Quá trình xác minh nơi cư trú của bị đơn thì thấy theo kết quả xác minh của Công an phường T xác nhận “ông Nguyễn Đức M có hộ khẩu thường trú tại khu phố C, phường T, thành phố Hồ Chí Minh”. Vì vậy căn cứ Điều 12 Luật Cư trú, khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự, điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Đức M tại địa chỉ trên.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Ông Nguyễn Đức M được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Xét tính hiệu lực của giấy đề nghị kiêm Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Đức M:*

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S và tài liệu chứng cứ kèm theo có đủ cơ sở xác định:

Ngày 28/5/2024 ông Nguyễn Đức M có đơn đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân với số tiền cấp tín dụng: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân.

Xét thấy, việc các bên ký kết hợp đồng trên là hoàn toàn có thật, được lập thành văn bản, có chữ ký của các bên. Tại thời điểm ký kết, các bên hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, thể hiện đúng ý chí của các bên tham gia giao kết, phù hợp với các quy định tại các Điều 122, Điều 123 và Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định đơn đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ cá nhân với số tiền cấp tín dụng nói trên được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Đức M có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết.

[2.2]. *Xét các yêu cầu của nguyên đơn về việc thanh toán tiền gốc và các khoản tiền lãi, phí phát sinh:*

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng TMCP S đã cấp hạn mức tín dụng số tiền 200.000.000đđ (Hai trăm triệu đồng) vào tài khoản số 3568833903 - tên tài khoản Nguyễn Đức M. Tại thời điểm ký kết, hai bên thỏa thuận lãi suất là 29.8%/năm.

Tính từ ngày kích hoạt thẻ 06/5/2024 đến ngày 06/5/2025 ông M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 1.175.256.007 đồng, tuy nhiên ông M chỉ mới thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền là 997.622.074 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông M nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi nên ngày 06/5/2025 Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ số tiền nợ gốc là 227.079.133 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn một trăm ba mươi ba đồng) sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn theo quy định Điều 5.7 của Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ.

Tạm tính đến ngày 27/4/2026 ông Nguyễn Đức M còn nợ Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc là 227.079.133 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn một trăm ba mươi ba đồng) và tổng số tiền lãi là 91.868.430 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi một triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi đồng*), trong đó: Tiền lãi trong hạn: 61.245.620 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi đồng*);

T2 lãi quá hạn: 30.622.810 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm mười đồng*)

Xét thấy, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 4 Điều 13; khoản 1 Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao và quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Đức M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi hàng tháng theo thỏa thuận tại khoản 3, 7 Điều 5 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân kèm Hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông M thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, các khoản tiền lãi là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Đức M; Buộc ông Nguyễn Đức M phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 27/4/2026 là 318.947.563 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười tám triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó: Nợ gốc: 227.079.133 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn, một trăm ba mươi ba đồng*); Nợ lãi: 91.868.430 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi một triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi đồng*), trong đó: Tiền lãi trong hạn: 61.245.620 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi đồng*); T2 lãi quá hạn: 30.622.810 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm mười đồng*) và toàn bộ khoản lãi phát sinh từ ngày 28/04/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đức M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157; điểm c khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 117; Điều 322; khoản 7 Điều 323; khoản 1 Điều 325; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Đức M về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc Ông Nguyễn Đức M phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 27/4/2026 là 318.947.563 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm mười tám triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, năm trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó:

Nợ gốc: 227.079.133 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn, một trăm ba mươi ba đồng); Nợ lãi: 91.868.430 đồng (Bằng chữ: Chín mươi một triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, bốn trăm ba mươi đồng), trong đó: Tiền lãi trong hạn: 61.245.620 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi một triệu, hai trăm bốn mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi đồng); T2 lãi quá hạn: 30.622.810 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu, sáu trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm mười đồng) và toàn bộ khoản lãi phát sinh từ ngày 28/4/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Đức M phải nộp là 15.947.378 đồng (Mười lăm triệu, chín trăm bốn mươi bảy ngàn, ba trăm bảy mươi tám đồng).

+ Ngân hàng TMCP S được hoàn trả lại số tiền 6.466.000 (Sáu triệu bốn trăm sáu mươi sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 00038161 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm; riêng những người vắng mặt được tính từ bản án được tổng đạt hoặc niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Thường